Mẫu số 07: *Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 03/2014/NĐ-CP*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……… | *…… , ngày* *… tháng* *… năm* *…..* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỀ LAO ĐỘNG** **6 THÁNG ĐẦU NĂM ………….. (HOẶC CUỐI NĂM ………….. )**

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận/huyện/thị xã/thành phố ...   
(hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố ... )

Loại hình doanh nghiệp (Doanh nghiệp tư nhân, Công ty hợp danh, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần):

Báo cáo tình hình thay đổi về lao động của đơn vị như sau:

**I. Số lao động đầu kỳ**

*Đơn vị: người*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số | Trong đó lao động nữ | Trình độ chuyên môn kỹ thuật | | | | | | Loại hợp đồng lao động | | | Ghi chú |
| Đại học trở lên | Cao đẳng/ Cao đẳng nghề | Trung cấp/ Trung cấp nghề | Sơ cấp nghề | Dạy nghề thường xuyên | Chưa qua đào tạo | Không xác định thời hạn | Xác định thời hạn | Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. Số lao động tăng trong kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số | Trong đó lao động nữ | Trình độ chuyên môn kỹ thuật | | | | | | Loại hợp đồng lao động | | | Ghi chú |
| Đại học trở lên | Cao đẳng/ Cao đẳng nghề | Trung cấp/ Trung cấp nghề | Sơ cấp nghề | Dạy nghề thường xuyên | Chưa qua đào tạo | Không xác định thời hạn | Xác định thời hạn | Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**III. Số lao động giảm trong kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số | Trong đó lao động nữ | Trình độ chuyên môn kỹ thuật | | | | | | Loại hợp đồng lao động | | | Lý do giảm | | | | |
| Đại học trở lên | Cao đẳng/ Cao đẳng nghề | Trung cấp/ Trung cấp nghề | Sơ cấp nghề | Dạy nghề thường xuyên | Chưa qua đào tạo | Không xác định thời hạn | Xác định thời hạn | Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng | Nghỉ hưu | Đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động/Hợp đồng làm việc | Kỷ luật sa thải | Thỏa thuận chấm dứt | Lý do khác |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**IV. Số lao động cuối kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số | Trong đó lao động nữ | Trình độ chuyên môn kỹ thuật | | | | | | Loại hợp đồng lao động | | | Ghi chú |
| Đại học trở lên | Cao đẳng/ Cao đẳng nghề | Trung cấp/ Trung cấp nghề | Sơ cấp nghề | Dạy nghề thường xuyên | Chưa qua đào tạo | Không xác định thời hạn | Xác định thời hạn | Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thủ trưởng đơn vị** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên** |